

## LỰC CẦU TIẾP TỤC SUY YẾU

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	Đối với hoạt động trading, nhà đầu tư có thể tham khảo vùng 1.250-1.265 điểm để mở các vị thế mua trading, ưu tiên các cổ phiếu sẵn có trong tài khoản.
<b>BÁN</b>	Đưa tỷ lệ đòn bẩy về ngưỡng an toàn, cơ cấu danh lợi danh mục.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

# KBC

**THEO DÕI**

**↑ 12,50%**

**VND 36.000**

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Thị trường chứng khoán Mỹ sạt điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Năm (4/4), khi nhà đầu tư chờ báo cáo việc làm tháng 3 dự kiến công bố vào ngày thứ Sáu.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Đà giảm của thị trường chậm lại với diễn biến thăm dò cung cầu quanh đường MA20 ngày. Thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước đó cho thấy cả cung và cầu đều đang lưỡng lự, chờ tín hiệu cụ thể hơn từ thị trường. Dự kiến thị trường sẽ tiếp tục trạng thái thăm dò cung cầu với vùng dao động quanh 1260-1270 điểm. Tín hiệu cung cầu này sẽ ảnh hưởng khá mạnh đến phiên giao dịch tiếp theo. Do đó, nhà đầu tư nên hành động chậm lại và chuẩn bị vùng mua tiềm năng đối với những cổ phiếu điều chỉnh về nền tích lũy.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	38.596,98	-1,35	2,41
S&P 500	5.147,21	-1,23	7,91
Nasdaq	16.049,08	-1,40	6,91
VIX	16,35	14,10	31,33
DAX	18.403,13	0,19	9,86
FTSE 100	7.975,89	0,48	3,14
CAC40	8.151,55	-0,02	8,07
Hang Seng	16.725,10	-1,22	-1,89

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	NEUTRAL	BUY	BUY

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	53,50	NEUTRAL
MACD(12,26)	12,85	BUY
ADX(14)	23,59	NEUTRAL
SMA5	1.278,47	SELL
SMA20	1.267,32	BUY
SMA50	1.233,44	BUY
SMA100	1.177,72	BUY
SMA200	1.171,03	BUY

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm quay đầu tăng khỏi mức đáy của phiên. Ở thời điểm cuối phiên, lợi suất của kỳ hạn này ở mức 4,305%. Trong phiên ngày thứ Tư, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm chạm 4,429%, mức cao nhất kể từ đầu năm. Sự gia tăng của lợi suất phản ánh mối lo trên thị trường rằng Fed sẽ giữ lãi suất cao hơn lâu hơn.
- Giá vàng thế giới tiếp tục lập kỷ lục mới khi vượt qua mốc then chốt 2.300 USD/oz, nhờ nhu cầu phòng ngừa rủi ro địa chính trị và bất chấp áp lực giảm đến từ khả năng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) giữ lãi suất cao hơn lâu hơn.
- Giá dầu thô tăng mạnh do căng thẳng địa chính trị và nỗi lo Cục Dự trữ Liên bang (Fed) giữ lãi suất cao hơn lâu hơn cũng là những yếu tố gây bất lợi cho giá cổ phiếu ở Phố Wall.
- Ngày 4/4, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm cặp VND/USD ở mức 24.038 VND/USD, tăng 18 đồng so với lần niêm yết trước đó. Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá giao dịch quanh mức 25.005 VND/USD, giảm nhẹ 5 đồng so với chốt phiên ngày 3/4 ở mức 25.010 VND/USD.
- Ngày 4/4, Ngân hàng Nhà nước hút nhẹ 200 tỷ đồng thông qua đấu thầu tín phiếu kỳ hạn 28 ngày, lãi suất 2,4%/năm. Có 3 thành viên tham gia và 1 thành viên trúng thầu. Hiện, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường tăng lên mức 172.198 tỷ đồng.
- **HCM:** Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2024, CTCP Chứng khoán TP HCM đặt chỉ tiêu doanh thu 3.182 tỷ đồng, tăng 41% so với năm ngoái; LNST 1.160 tỷ đồng, tăng 72%. Nếu hoàn thành mục tiêu này, đây sẽ là mức LN kỷ lục của HSC.
- **KDH:** CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền đặt mục tiêu kinh doanh năm 2024 với doanh thu đạt 3.900 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 790 tỷ đồng. Cổ tức dự kiến tỷ lệ 10%.
- **HSG:** Ông Trần Ngọc Chu, Phó chủ tịch HĐQT thường trực – Điều hành vừa bán ra 1,5 triệu cổ phiếu HSG, giảm sở hữu từ 1.781.147 cổ phiếu (0,29% vốn điều lệ), về 281.147 cổ phiếu (0,046% vốn điều lệ), giao dịch được thực hiện từ 7/3 đến 2/4.
- **ACB:** Ngân hàng TMCP Á Châu tiến hành ĐHCĐ trình cổ đông thông qua các chỉ tiêu kinh doanh 2024, với mục tiêu LN 22.000 tỷ đồng, tỷ lệ chia cổ tức 25% bằng tiền mặt và cổ phiếu.
- **IDC:** HĐQT Tổng Công ty IDICO – CTCP cho biết kế hoạch kinh doanh 2024 được xây dựng dựa trên tình hình cho thuê đất thực tế trong năm 2023. Ban điều hành đặt mục tiêu đạt tổng doanh thu hợp nhất 8.466 tỷ đồng và lãi trước thuế 2.502 tỷ đồng, tăng 13% về doanh thu và 22% về lợi nhuận so với kết quả đạt được trong năm ngoái. Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến 40%.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.271,27	-0,86	10,10
Dầu WTI	86,83	0,28	21,19
Dầu Brent	91,04	0,43	18,17
Than	128,20	-1,12	-12,43
Đồng	9.359,00	1,04	9,35
Quặng sắt	97,93	-0,43	-29,00
Thép	523,00	0,00	-7,38

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	104,197	0,07	2,83
USD/JPY	150,98	0,24	-6,58
USD/CNY	7,2332	-0,01	-1,84
EUR/USD	1,0832	-0,05	-1,88
GBP/USD	1,2633	-0,07	-0,77

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	20/03/2024	0
ECB	4,50%	-	0
BOE	5,25%	21/03/2024	0
BOJ	-0,10%	19/03/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
STB	904,08	29.700	-1,33
VND	466,74	22.500	-1,32
SSI	943,97	37.650	-1,05
NVL	833,58	17.500	1,74
DIG	1.031,21	32.200	1,26

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	536.552,76	96.000	2,35
BID	290.722,23	51.000	0,00
VHM	187.237,80	43.000	-0,23
GAS	187.184,30	81.500	-0,37
VIC	182.962,21	47.850	0,21

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# KBC

## Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

## THEO DÕI

33.700

36.000

12,50%

30.900-32.000

<30.400

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- KBC hiện đang sở hữu và vận hành 7 KCN với tổng diện tích hơn 2.400 ha, trong đó KCN Quang Châu là KCN lớn nhất Việt Nam với diện tích hơn 1.000 ha. Bên cạnh đó, KBC có tiềm năng rất lớn trong việc phát triển khu đô thị, trong đó phải kể đến khu đô thị Tràng Cát, khu đô thị Tràng Duệ (Hải Phòng), khu đô thị Phúc Ninh (Bắc Ninh).
- Năm 2024 bắt đầu khai thác các dự án KCN Nam Tân Tập, Tân Tập, Lộc Giang dự kiến sẽ đóng góp lớn vào nguồn thu của KBC trong thời gian sắp tới. Giá thuê của các khu công nghiệp thuộc quyền quản lý của KBC luôn duy trì ở mức cao.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- KBC sau khi kiểm nghiệm không thành công vùng đỉnh cũ đã điều chỉnh trở lại theo xu hướng chung của thị trường. Nhà đầu tư có thể theo dõi diễn biến giá cổ phiếu trong những phiên tới để có những hành động phù hợp, vùng giải ngân thăm dò dự kiến vùng 30.900-32.000 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2021	FY2022	Q4 2023
<b>DTT (tỷ đ)</b>	4.246	950	821
<b>LNTT (tỷ đ)</b>	1.762	1.697	213
<b>LNST (tỷ đ)</b>	1.352	1.577	158
<b>Ng/VCSH (%)</b>	43	43	18
<b>ROE (%)</b>	9,21	10,10	11,86
<b>ROA (%)</b>	4,00	4,63	5,94
<b>EPS (VNĐ)</b>	1.441	1.993	2645,95
<b>P/E (lần)</b>	31,6	12,1	12,74
<b>P/B (lần)</b>	2,45	1,16	1,42

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng</b>	BUY	BUY	BUY
<b>Chỉ báo kỹ thuật</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Hành động</b>	
<b>RSI (14)</b>	49,84	BUY	
<b>MACD(12,26)</b>	0,69	BUY	
<b>ADX(14)</b>	24.050	BUY	
<b>SMA5</b>	34.580	SELL	
<b>SMA20</b>	34.020	SELL	
<b>SMA50</b>	32.380	BUY	
<b>SMA100</b>	31.930	BUY	
<b>SMA200</b>	31.700	BUY	

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
1	HSG	Mua	22,8-23,5			27,1	22,8			
2	SSI	Theo dõi	35,6-36,5			40,1	34,3			
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	STB	Cắt lỗ	30-31,5	29/2/2024	31,3	35,6	29,1	5/4/2024	ATO	-5,11%
2	MWG	Nắm giữ	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2			6,74%
3	CII	Cắt lỗ	18,8-19,5	28/3/2024	19,3	21,8	18,5	5/4/2024	ATO	-2,85%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	DCM	Chốt lời	31-32,5	22/11/2023	31,5	36,7	30	16/2/2024	34	7,94%
2	HAH	Chốt lời	38-39,5	10/1/2024	38,9	43,3	36,5	19/2/2024	41,45	7,46%
3	PVD	Chốt lời	26,5-27,2	22/1/2024	27,2	30,6	25,4	20/2/2024	28,95	6,62%
4	VCI	Chốt lời	41,5-42,5	29/12/2023	42	48,2	40	21/2/2024	45	7,14%
5	DXG	Cắt lỗ	18,6-19,2	5/1/2024	19	21,5	18	23/2/2024	18	-5,26%
6	VHC	Chốt lời	63,5-65	19/2/2024	64,7	71,5	60,9	28/2/2024	70,9	9,58%
7	VGC	Chốt lời	51,8-53,5	31/1/2024	52,5	59,1	49,8	5/3/2024	56,9	8,19%
8	VCG	Cắt lỗ	24,8-25,2	29/1/2024	25,2	28,5	23,9	11/3/2024	23,9	-5,16%
9	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
10	VCI	Chốt lời	46-48	6/3/2024	47,5	55,2	44,5	15/3/2024	52,3	11,58%
11	VND	Cơ cấu	22,8-23,8	4/3/2024	23	27,3	21,8	26/3/2024	23,05	0,22%
12	NKG	Chốt lời	23-23,8	15/3/2024	23,75	27,6	22,4	28/3/2024	26,1	9,89%
13	VGC	Chốt lời	54-55,5	13/3/2024	55,5	61,8	51,8	2/4/2024	58,7	6,31%
14	KSB	Cơ cấu	25,5-26,5	15/3/2024	26,2	29,5	24,6	2/4/2024	26,2	0,00%
15	DPM	Cơ cấu	34,5-36	27/3/2024	35,85	39,8	33,8	2/4/2024	35,55	-0,84%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới  
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 10/10/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cứu	14	-4.17%
Chết	18-19	-17%-18%
Chết	21-22	-18-37%
Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cứu	Cổ Đẻ DCA +145-147	-4.4%
Chết	72-75	-17%-14%
Chết	Năm giờ	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cứu	19.8	-4.4%
Chết	23-24	-7%-12%
Chết	25.5-26	-17%-14%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lợi/kiếm)	+479,500,200 đ (6.15%)

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BNP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 0% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)